

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 98/GP-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến;

Căn cứ Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 509/GP-TCTL-PCTTr ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tổng Cục thủy lợi cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 04-2024/ĐT-CV ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 2587/TTr-CCBVMT ngày 08 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến, địa chỉ trụ sở chính tại số 75 đường D3, khu nhà ở TM-DV Sóng Thần, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực

hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác cát Mỏ cát xây dựng suối nhánh 3, hồ Dầu Tiếng tại xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Mỏ cát xây dựng suối nhánh 3, hồ Dầu Tiếng.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3702641909 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 12 năm 2022.

1.4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1149/QĐ-STNMT ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Giấy phép khai thác khoáng sản số 98/GP-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Thời hạn khai thác 15 năm, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020.

1.6. Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 509/GP-TCTL-PCTTr ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tổng Cục thủy lợi.

1.7. Mã số thuế: 3702641909.

1.8. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản (*cát xây dựng*).

1.9. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở: theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 98/GP-UBND, Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 509/GP-TCTL-PCTTr và Văn bản số 155/TLĐTPH-QLN ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa (*nay là Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam*), mỏ cát có công suất khai thác là 60.000 m³ nguyên khối/năm.

- Mỏ cát xây dựng suối nhánh 3, hồ Dầu Tiếng có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Mỏ cát xây dựng suối nhánh 3, hồ Dầu Tiếng có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý của bãi chứa cát ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công ty phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan về đất đai, khoáng sản, xây dựng và các quy định pháp luật liên quan trước khi thực hiện khai thác cát.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 01 năm 17/2 ngày

(Từ ngày 08 tháng 5 năm 2024 đến ngày 27 tháng 10 năm 2025, theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 509/GP-TCTL-PCTTr của Tổng Cục thủy lợi và Văn bản đề nghị số 04-2024/ĐT-CV ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Mỏ cát xây dựng

K.H.C.J.
SỞ
NGUYỄN
VÀ
TRƯỜNG
/NH D

suối nhánh 3, hồ Dầu Tiếng của Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty CPĐT BĐS và KS Đông Tiến;
- UBND huyện Dầu Tiếng;
- Phòng TNN-KS;
- Thanh tra Sở;
- UBND xã Minh Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Tuyen7.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **50** /GPMT-STNMT ngày **08** tháng **5** năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát với lưu lượng khoảng 0,4 m³/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành với lưu lượng khoảng 0,56 m³/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh xe ra vào chở cát với lưu lượng phát sinh khoảng 01 m³/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ bãi chứa cát số 1 với lưu lượng phát sinh khoảng 889 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ Dầu Tiếng thuộc xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ Dầu Tiếng thuộc xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', vĩ độ 3°): X = 1.263.703; Y = 568.817.
- Điểm xả nước thải ra Hồ Dầu Tiếng có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 889 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải phát sinh từ bãi chứa cát số 1 sau xử lý theo đường cống tròn bằng bê tông cốt thép đường kính 500mm, dài 4m chảy vào hồ Dầu Tiếng.
- Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 1, K_f = 1,0, cụ thể như sau:



Handwritten signature or mark.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	889	m ³ /ngày	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6-9		
3	TSS	mg/l	50		
4	COD	mg/l	75		
5	BOD ₅	mg/l	30		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Tổng Nitơ	mg/l	20		
8	Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/l	4		
9	Zn	mg/l	3		
10	Fe	mg/l	1		
11	Cd	mg/l	0,05		
12	Sunfua	mg/l	0,2		
13	Clorua	mg/l	500		
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5		
15	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải

- Nguồn số 01 và 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành của công nhân viên được thu gom, xử lý qua 01 bể tự hoại 03 ngăn (*dung tích 4 m³, có chống thấm*), sau đó theo đường ống nhựa PVC đường kính 110mm, dài 15m tự chảy về lưu chứa trong 03 bồn composite với tổng dung tích chứa 12 m³; nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát định kỳ được thu gom về lưu chứa trong 03 bồn composite bằng đường ống dẫn cao su mềm đường kính 110mm, dài 25m; định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh xe ra vào chở cát được tuần hoàn tái sử dụng không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ bãi chứa cát số 1 được thu gom về công trình xử lý bằng mương hở có kích thước dài 75m, rộng 5m, sâu 0,5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý số 01 (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ bãi chứa cát số 1 => Hồ lắng 1 => Hồ lắng 2 => Hồ lắng 3
=> Thải ra môi trường (hồ Dầu Tiếng).

- Công suất thiết kế:

+ Hồ lắng 1: dung tích chứa 3.413 m³.

+ Hồ lắng 2: dung tích chứa 9.750 m³.

+ Hồ lắng 3: dung tích chứa 5.558 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Công trình xử lý số 02 (nguồn số 02 và 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành của công nhân viên => Bể tự hoại 03 ngăn có chống thấm + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát => 03 bồn composite, định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại 03 ngăn (chống thấm): dung tích chứa 4 m³ (kích thước bể: 3,14m x 1,18m x 1,25m).

+ 03 bồn composite: dung tích 12 m³ (mỗi bồn composite dung tích 4 m³/bồn).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.3. Công trình xử lý số 03 (nguồn số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh xe chở cát => Mương bê tông có dung tích 7 m³ được thiết kế chống thấm và kín, nước tuần hoàn không xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế:

Mương rửa bánh xe (kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm, diện tích 30m²): dung tích 7 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải (cụm hồ lắng) xảy ra sự cố (nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn thải ra môi trường hoặc sạt lở, vỡ): ngưng ngay việc bơm hút cát lên bãi chứa để khắc phục sự cố; trường hợp vỡ cụm hồ lắng Công ty phải tạm ngưng hoạt động và tập trung nhân lực, thiết bị để gia cố, khắc phục cụm hồ lắng đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Sau khi khắc phục xong mới tiến hành bơm cát lên bãi chứa và nước thải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.



- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các đường ống thu gom, hồ lắng và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét phòng ngừa tắc nghẽn hệ thống thoát nước vào ngày mưa.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng trường hợp sự cố vượt quá khả năng ứng phó để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường (hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý).

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, máy móc, thiết bị,... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 50/GPMT-STNMT ngày 08 tháng 5 năm 2024
 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh tại khu vực khai trường khai thác do hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện và vận chuyển cát từ khai trường về bãi tập kết cát và đi tiêu thụ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Khu vực khai trường: Vị trí tọa độ trung tâm (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$ múi chiều 3 $^{\circ}$): X = 1.267.214; Y = 570.575.

- Khu vực bãi tập kết cát số 1: Vị trí tọa độ trung tâm (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$ múi chiều 3 $^{\circ}$): X = 1.263.985; Y = 568.802.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị đúng theo quy trình về kiểm định máy móc thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

h

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 50 /GPMT-STNMT ngày 08 tháng 5 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	10
2	Pin, ắc quy thải	19 06 03	NH	Rắn	50
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	100
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	NH	Lỏng	60
5	Hộp mực in thải	08 02 04	NH	Rắn	15
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	100
TỔNG KHỐI LƯỢNG					335



✓

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn cát nạo vét từ các hồ lắng, máng rửa bánh xe không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	10.000
2	Sắt thép phế liệu thải không nhiễm chất nguy hại (linh kiện của máy bơm)	Rắn	500
TỔNG KHỐI LƯỢNG			10.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn, ...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, ...) với khối lượng khoảng 1.263 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: 06 thùng chứa bằng nhựa HPDE 240 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: vách gạch bao xung quanh, mái tôn, nền bê tông chống thấm đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: không có.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, tường bao xây gạch, mái che tôn, có cửa ra vào.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa chất thải: 06 thùng nhựa HDPE 120 lít, có nắp đậy bố trí trên 04 tàu hút và trên mặt bằng bãi chứa.
- Vị trí tập kết thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt: bố trí khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt trong khuôn viên khu vực văn phòng, đặt gần cổng ra vào khu nhà điều hành.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Dầu Tiếng, Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Dầu Tiếng, Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 50/GPMT-STNMT ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường chính

- Khu vực khai trường khai thác:

+ Trục vớt toàn bộ phao, xích, rùa; di dời máy móc thiết bị phục vụ khai thác ra khỏi khai trường;

+ Di dời các thiết bị khai thác lên bờ, rút các ống hút cát ra khỏi khai trường;

+ Đo vẽ địa hình đáy suối, lòng hồ thuộc khu vực khai thác;

+ Quan trắc, đánh giá chất lượng không khí, tiếng ồn nước mặt, bùn đáy; phiêu sinh động, thực vật.

- Khu vực bãi tập kết và nhà điều hành:

+ San gạt mặt bằng bãi chứa cát số 1, tháo dỡ các hạng mục công trình đã xây dựng, san lấp hệ thống mương thu gom, hệ thống xử lý gồm các hố lắng nhằm đưa mặt bằng về nguyên trạng ban đầu.

+ Tháo dỡ, san gạt hoàn trả mặt bằng các khu nhà điều hành, bãi tập kết, trồng khoảng 8.441 cây xanh.

+ Di dời toàn bộ thiết bị, vật tư ra khỏi khu vực bãi chứa số 1, xử lý các loại chất thải phát sinh.

+ Quan trắc chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, đất tại khu vực bãi tập kết.

- Cải tạo, phục hồi môi trường đường vận chuyển: sau khi kết thúc khai thác duy tu đoạn đường bê tông dài 50m.

2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và số tiền ký quỹ

- Bảng tiến độ và chi phí xây dựng cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
A	CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN			
I	Cải tạo khu vực bãi chứa			
1	Trồng cây xung quanh bãi chứa	Cây	280	
	Xung quanh bãi chứa số 1	Cây	280	Đã hoàn thành
2	Tạo mương dẫn nước và thoát nước bãi chứa	m	410	

TT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
	Khối lượng thực hiện đào	m ³	153,7	Đã hoàn thành
3	Trồng cây ven đường nội bộ các bãi chứa	Cây	77	
	Đường nội bộ bãi chứa số 1	cây	77	Đã hoàn thành
B	CÁC CÔNG TRÌNH TIẾP TỤC THỰC HIỆN			
I	Giai đoạn 1			
1	Trồng cây xung quanh bãi chứa	Cây	740	
	Xung quanh bãi chứa số 1	Cây	740	Đến năm 2025
II	Giai đoạn 2			
1	Cải tạo khu vực khai trường			
1.1	Dò tìm, thu dọn các chướng ngại lòng hồ tại khu vực khai thác	Phao	4	Sau khi kết thúc khai thác
1.2	Ứng phó sự cố sạt lở	m	450	Sau khi kết thúc khai thác
-	Mua cọc tre loại 2,5m/cọc	Cọc	900	
-	Xúc và vận chuyển đất đến nơi thi công	m ³	225	
-	Số mét cọc cần ép	m	1.800	
1.3	Đo vẽ địa hình đáy diện tích khai thác	Ha	41,8	Sau khi kết thúc khai thác
2	Cải tạo khu vực bãi chứa số 1			
2.1	Công tác tháo dỡ, phá bỏ các công trình, thiết bị thuộc bãi chứa số 1			Sau khi kết thúc khai thác
-	Phá dỡ tường gạch	m ³	5	
-	Phá dỡ nền xi măng, loại nền gạch không cốt thép	m ²	100	
-	Tháo dỡ mái tôn	m ²	120	
-	Phá dỡ cột bê tông	m ³	2	
-	Tháo dỡ trạm biến áp	Tấn	0,5	
-	Tháo dỡ máy sàng cát	Tấn	10	
2.2	Công tác tháo dỡ trạm cân			Sau khi kết thúc khai thác
-	Kết cấu sắp thép	Tấn	3	

b

TT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
-	Bê tông cốt thép	m ³	1	
2.3	Cải tạo hồ lắng nước nước			Sau khi kết thúc khai thác
	Khối lượng san gạt	m ³	22.200	
2.4	San gạt bãi chứa số 1	m ³	7.800	Sau khi kết thúc khai thác
2.5	Cải tạo mặt bằng nhà điều hành			Sau khi kết thúc khai thác
-	San gạt mặt bằng	m ³	100	
-	Trồng cây keo lá tràm	Cây	25	
2.6	Trám lấp giếng khoan	Công trình	1	Sau khi kết thúc khai thác
2.7	Xử lý bể tự hoại	Bể	1	Sau khi kết thúc khai thác
2.8	Vận chuyển các thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi lòng hồ bằng xe tải 22 tấn	Ca	5	Sau khi kết thúc khai thác
2.9	Duy tu tuyến đường bãi chứa số 1 ra ĐT749B			Sau khi kết thúc khai thác
	Diện tích thi công đường vào bãi chứa số 1	m ²	500	
2.10	Trồng cây keo trên mặt bằng bãi chứa sau cải tạo			Sau khi kết thúc khai thác
	Bãi chứa số 1	Cây	8.416	
3	Công tác bổ sung khác			
3.1	Thuê đơn vị xử lý chất thải			Sau khi kết thúc khai thác
-	Xử lý CTNH	Đợt	1	
-	Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	Tấn	5	
-	Thuê hút vận chuyển, xử lý nước thải sinh hoạt	m ³	8	
3.2	Quan trắc chất lượng môi trường khu vực cải tạo, phục hồi môi trường			Sau khi kết thúc

TT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
				khai thác
-	Quan trắc môi trường	Đợt	4	
-	Giám sát biến động đường bờ, đáy sông	Đợt	4	
3.3	Thuê bảo vệ và thuê lao động chăm sóc thêm 1 năm khu vực cải tạo	Năm	1	Sau khi kết thúc khai thác

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 1499/QĐ-STNMT ngày 24 tháng 9 năm 2020 là 1.982.183.733 đồng; thực hiện ký quỹ 15 lần.

- Đến năm 2024, Công ty đã thực hiện 05 lần (*trong tổng số 15 lần*) ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương với số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là: 877.798.515 đồng; số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 849.507.315 đồng.

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi điều chỉnh tại thời điểm cấp giấy phép môi trường là 2.036.677.438 đồng; Công ty đã thực hiện ký quỹ 877.798.515 đồng (bao gồm yếu tố trượt giá), số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 849.507.315 đồng nên số tiền ký quỹ Công ty phải thực hiện sau khi cấp Giấy phép môi trường là 1.187.170.123 đồng (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 1.187.170.123 đồng.

- Số lần còn lại phải thực hiện ký quỹ: 10 lần.

- Số tiền ký quỹ mỗi lần từ lần thứ 6 tới lần thứ 14 chưa bao gồm yếu tố trượt giá của các năm tiếp theo là: 118.717.012 đồng, năm thứ 15 là 118.717.015.

- Thời điểm ký quỹ: trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và quan trắc trong quá trình khai thác.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian khai thác và sau khi kết thúc khai thác theo đúng tiến độ tại Phần A Phụ lục này.

- Tuân thủ thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực về thông tin, số liệu, tài liệu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

4. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ, tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ dừng ngay hoạt động khai thác, báo cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

5. Giám sát, theo dõi diễn biến sạt lở đường bờ để ngăn ngừa xảy ra sự cố sạt lở.

6. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của cơ sở.

7. Trồng và chăm sóc thường xuyên cây xanh để hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan.

8. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

9. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

11. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản và đất đai./.